

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG SINH LỜI CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH DỊCH COVID-19

Phạm Xuân Quỳnh

Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Email: pxquynh@agu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 15/02/2022; Ngày nhận chỉnh sửa: 28/02/2022; Ngày duyệt đăng: 05/4/2022

Tóm tắt

Sử dụng dữ liệu thu thập từ báo cáo tài chính theo quý của 25 ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn Quý I/2018 đến Quý III/2021, nghiên cứu này tập trung đánh giá khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại trong bối cảnh dịch Covid-19 và tìm hiểu xem khả năng sinh lời của ngân hàng bị ảnh hưởng bởi những yếu tố nào. Áp dụng phương pháp ước lượng dữ liệu bảng REM, kết hợp phương pháp phân tích thống kê mô tả, kiểm định T-test, kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố như quy mô hoạt động, cấu trúc tài trợ, tỷ lệ vốn chủ sở hữu, tỷ lệ chi phí hoạt động, rủi ro tín dụng và tỷ lệ thu nhập phi lãi đều tác động đến tỷ suất lợi nhuận ngân hàng. Nghiên cứu không tìm thấy bằng chứng về ảnh hưởng của dịch bệnh đến khả năng sinh lời của ngân hàng. Mặc dù khả năng tạo lợi nhuận của các ngân hàng không ổn định qua các kỳ nhưng trong tình hình dịch Covid-19, các ngân hàng thương mại vẫn đảm bảo và nâng cao khả năng tạo lợi nhuận.

Từ khóa: *Dịch Covid-19, khả năng sinh lời, ngân hàng thương mại.*

THE FACTORS AFFECTING THE PROFITABILITY OF VIETNAMESE COMMERCIAL BANKS AMID THE COVID-19 PANDEMIC

Pham Xuan Quynh

An Giang University, Vietnam National University, Ho Chi Minh City, Vietnam

Email: pxquynh@agu.edu.vn

Article history

Received: 15/02/2022; Received in revised form: 28/02/2022; Accepted: 05/4/2022

Abstract

Using data from financial statements of 25 Vietnamese commercial banks in the period from the 1st quarter of 2018 to the 3rd quarter of 2021, this study focused on assessing the profitability of Vietnamese commercial banks amid the Covid-19 pandemic by analyzing related factors. Using REM estimation model for panel data and the descriptive statistical analysis method, and T-test test, the results show that bank profitability before and amid the Covid-19 pandemic were affected by various factors, including operating scale, funding structure, equity ratio, operating expense ratio, credit risk, and non-interest income ratio. But, no evidence of the pandemic impact on bank profitability was found. Although profit rates fluctuated, commercial banks still secured earning profits during the pandemic.

Keywords: *Commercial banks, Covid-19 pandemic, profitability.*

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.12.1.2023.1015>

Trích dẫn: Phạm, X. Q. (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong bối cảnh dịch Covid-19. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(1), 28-37. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.1.2023.1015>.

1. Đặt vấn đề

Tháng 12/2019, tại Thành phố Vũ Hán, Hồ Bắc, Trung Quốc, một loại virus mang tên SARS-CoV-2 đã bắt đầu xuất hiện và là khởi nguồn cho đại dịch Covid-19 trên toàn thế giới hiện nay. Sau đó khoảng 3 tháng, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) xác nhận sự bùng phát của Covid-19 là đại dịch toàn cầu (pandemic). Đến nay, đại dịch Covid-19 lan rộng gây ra suy thoái kinh tế cho nhiều nước trên thế giới, bao gồm Việt Nam. Do tác động của đại dịch Covid-19, nền kinh tế Việt Nam nói chung và lĩnh vực tài chính, ngân hàng nói riêng không tránh khỏi những tác động tiêu cực, mặc dù Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm khắc phục những tác động tiêu cực đó. Cụ thể, (1) Tín dụng tăng trưởng chậm do các ngân hàng thương mại (NHTM) thận trọng cho vay vì thị trường, doanh nghiệp biến động mạnh; (2) Hoạt động đầu tư các dòng vốn mua cổ phần giảm do chiến lược tăng vốn điều lệ của NHTM và ảnh hưởng của quá trình hiện đại hóa hoạt động sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; (3) Hoạt động liên kết chuỗi kinh doanh các sản phẩm của NHTM bị gián đoạn, đứt gãy hoạt động tạm thời, làm giảm đi đáng kể lượng khách hàng cũ và mới (Đỗ, 2021). Tính tới tháng 8/2021, có 85,5 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2020. Một số lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề, các doanh nghiệp (thuộc các ngành hàng không, du lịch, thương mại, dịch vụ) có khả năng phá sản hàng loạt hậu Covid-19 sẽ tác động lớn tới nền kinh tế nói chung, lĩnh vực ngân hàng nói riêng.

Từ năm 2020 đến nay, NHNN đã có các giải pháp hỗ trợ giảm lãi suất cho vay. Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay tiếp tục giảm so với năm 2020. Lãi suất cho vay đã giảm 1% trong năm 2020 và xu hướng giảm lãi suất này vẫn tiếp tục trong hơn nửa năm 2021 với mức giảm khoảng 0,66%/năm. Theo thống kê, đã có hơn 1,9 triệu khách hàng được miễn, giảm, hạ lãi suất bởi các tổ chức tín dụng, tương đương mức dư nợ 3,79 triệu tỷ đồng. Tính từ ngày 23/1/2020 đến cuối tháng 10/2021, các ngân hàng đã miễn, giảm, hạ khoảng 31.400 tỷ đồng cho khách hàng (Minh, 2021). Minh chứng chỉ ra tác động đáng kể của dịch Covid-19 đến tình hình kinh doanh của

các ngân hàng. Việc tiếp sức cho doanh nghiệp phục hồi sau dịch bệnh là trọng trách của ngành ngân hàng nhưng với vai trò là “huyết mạch” của nền kinh tế, việc đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng trong và sau đại dịch là điều vô cùng quan trọng. Trong nhiều năm qua, trên thế giới cũng như trong nước đã có nhiều nghiên cứu quan tâm đến vấn đề lợi nhuận của ngành ngân hàng, phân tích và chỉ ra các yếu tố có ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của ngân hàng, điển hình như các nghiên cứu của Short (1979), Bourke (1989), Hồ & Nguyễn (2015). Hầu hết các tác giả đều đồng thuận rằng, lợi nhuận ngân hàng bị chi phối bởi các yếu tố nội tại như quy mô hoạt động, tỷ lệ dư nợ, mức độ rủi ro tín dụng, chi phí, tỷ lệ an toàn vốn. Tuy nhiên mức độ và chiều ảnh hưởng của các yếu tố này đến bức tranh lợi nhuận ngân hàng không đồng nhất do sự khác biệt về thời gian và không gian nghiên cứu. Hơn nữa, trong giai đoạn hiện nay, hoạt động ngân hàng lại chịu ảnh hưởng không nhỏ từ đại dịch Covid-19, làm khó khăn trong công tác huy động vốn, cho vay. Do đó, đánh giá bức tranh lợi nhuận ngân hàng, xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tạo lợi nhuận của ngân hàng là việc làm cần thiết, đặc biệt trong tình hình dịch Covid-19 như hiện nay.

Để làm rõ hơn vấn đề nghiên cứu, các nội dung sẽ được trình bày tiếp theo sau gồm phần 2 lược khảo các nghiên cứu thực nghiệm, phần 3 phương pháp nghiên cứu, tiếp theo là kết quả nghiên cứu và thảo luận được trình bày trong phần 4, cuối cùng tác giả rút ra một số kết luận trong phần 5.

2. Lược khảo các nghiên cứu thực nghiệm

Căn cứ theo pháp lý Luật TCTD số 47/2010/QH12, hoạt động cho vay, huy động vốn, cung cấp dịch vụ thanh toán, ngân quỹ là các hoạt động chính của NHTM. Ngoài ra, ngân hàng còn thực hiện các hoạt động khác như kinh doanh ngoại hối, kinh doanh dịch vụ bảo hiểm, tư vấn, ủy thác và đại lý,... Đó là những hoạt động tạo ra thu nhập và mang lại lợi nhuận cho ngân hàng. Hay nói cách khác, lợi nhuận ngân hàng đến từ hai mảng chính là hoạt động tín dụng và phi tín dụng. Hoạt động tín dụng được xem là một nghiệp vụ truyền thống của các NHTM. Các ngân hàng huy động vốn nhàn rỗi, chưa sử dụng của khách hàng và cho vay lại đối với các khách hàng thiếu vốn, từ đó mang lại cho ngân hàng khoản thu nhập từ lãi hay còn gọi là thu nhập từ hoạt động tín

dụng (Hoàng & Võ, 2010). Đối với hầu hết các ngân hàng, khoản mục cấp tín dụng chiếm quá nửa giá trị tổng tài sản và tạo ra từ $\frac{1}{2}$ - $\frac{2}{3}$ nguồn thu của ngân hàng. Bên cạnh đó, ngân hàng còn có khoản thu nhập ngoài lãi hay thu nhập phi tín dụng, đây là khoản thu nhập đến từ các hoạt động như cung cấp dịch vụ phi tín dụng, kinh doanh, đầu tư chứng khoán. Theo các tiêu chí an toàn CAMELS, lợi nhuận là một trong những tiêu chí đánh giá khả năng an toàn trong kinh doanh của hoạt động ngân hàng vì lợi nhuận góp phần tạo thêm vốn hoạt động, khả năng kêu gọi vốn từ các nhà đầu tư. Các khoản thiệt hại từ cho vay hay trích lập dự phòng rủi ro cũng được bù đắp từ lợi nhuận. Một trong những nguồn thu chính tạo nên lợi nhuận của NHTM là thu nhập từ lãi. Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường tài chính còn diễn biến phức tạp, dịch Covid-19 chưa kết thúc, hoạt động tín dụng có quá nhiều rủi ro, nguồn thu từ tín dụng còn rất bấp bênh, thì các NHTM cần phải đẩy nhanh mảng hoạt động phi tín dụng để gia tăng nguồn thu của mình.

Đã có nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy lợi nhuận ngân hàng bị tác động bởi cả yếu tố nội tại bên trong ngân hàng và các yếu tố thuộc về thị trường. Với nghiên cứu của Short (1979), tác giả xem xét các nhân tố thị trường ảnh hưởng đến lợi nhuận ngân hàng nhưng rõ ràng là các yếu tố bên trong ngân hàng cũng có vai trò đáng kể trong quá trình tạo lợi nhuận, và điều này được chứng minh qua nghiên cứu của Bourke (1989). Sau này, nghiên cứu của Athanasoglou & cs. (2008) cũng cho thấy các yếu tố nội tại như mức độ an toàn của vốn, mức độ rủi ro tín dụng, hiệu quả quản lý chi phí, quy mô hoạt động đều có ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận ngân hàng. Đồng quan điểm với nghiên cứu của Athanasoglou & cs., Al-Jafari và Alchami(2014), Béjaoui và Bouzgarrou(2014) đều cho thấy mức độ an toàn vốn, rủi ro tín dụng, hiệu quả quản trị chi phí là các yếu tố nội tại có ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của ngân hàng. Xét riêng các NHTM Việt Nam, năm 2015, trong nghiên cứu của mình, Hồ Thị Hồng Minh và Nguyễn Thị Cảnh đã phân tích các nhân tố như tỷ lệ dư nợ, quy mô hoạt động, tỷ lệ tiền gửi, tỷ lệ vốn chủ sở hữu (VCSH), mức độ đa dạng hóa thu nhập, tốc độ tăng trưởng kinh tế đến khả năng tạo lợi nhuận của ngân hàng. Với phương pháp ước lượng dữ liệu bảng, nghiên cứu của nhóm tác giả cũng cho thấy giữa tỷ suất sinh lời trên VCSH và mức độ đa dạng hóa thu nhập, dư nợ cho vay, tỷ lệ tiền gửi khách

hàng có mối quan hệ thuận chiều, trong khi đó tỷ lệ VCSH và chi phí hoạt động lại làm giảm lợi nhuận ngân hàng. Năm 2016, công bố của Nguyễn Phạm Nhã Trúc và Nguyễn Phạm Thiên Thanh lại cho thấy mối tương quan thuận giữa khả năng sinh lời và tỷ lệ chi phí hoạt động ngân hàng. Nhìn chung, các nghiên cứu của các tác giả nêu trên sử dụng dữ liệu khác nhau với giai đoạn nghiên cứu khác nhau, các nước nghiên cứu khác nhau và môi trường khác nhau, vì vậy kết quả nghiên cứu cũng không hoàn toàn thống nhất. Tuy nhiên các bài viết đều chứng minh sự tồn tại mối quan hệ giữa các nhân tố nội tại và vĩ mô đến khả năng sinh lời ngân hàng.

Khác với các nghiên cứu trong nước trước đây, nghiên cứu này tập trung đánh giá lợi nhuận và các khía cạnh bên trong ngân hàng có tác động đến khả năng sinh lời của ngân hàng trong giai đoạn dịch Covid-19 xảy ra. Cụ thể những khía cạnh bên trong được đề cập đến gồm:

Quy mô hoạt động: Chỉ tiêu quy mô được sử dụng trong hầu hết các nghiên cứu gần đây về lợi nhuận cũng như hiệu quả kinh doanh ngân hàng. Xét về khía cạnh kinh tế, theo DeYoung & Rice (2003) thì ngân hàng với quy mô hoạt động lớn sẽ có tiềm năng đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động và hiệu quả quản lý rủi ro tốt hơn do họ có khả năng đầu tư mạnh cho công nghệ và trình độ nhân lực. Bên cạnh đó, các nghiên cứu trước đây cho thấy đường chi phí trung bình của ngân hàng có dạng hình chữ U, tức là ban đầu tăng quy mô thì hiệu quả kinh doanh ngân hàng cũng tăng nhưng sau đó sẽ giảm (Athanasoglou & cs., 2008). Quy mô lớn giúp ngân hàng tận dụng tính kinh tế nhờ phạm vi và như đã đề cập các ngân hàng có quy mô lớn có thể có khả năng đầu tư và quản lý tốt hơn, tận dụng tính kinh tế nhờ phạm vi, tăng lợi nhuận.

Cấu trúc tài sản: Nghiên cứu xem xét yếu tố cấu trúc tài sản qua mức độ cho vay, chỉ tiêu này đại diện cho ảnh hưởng của chiến lược cấp tín dụng đến khả năng tạo lợi nhuận ngân hàng. Hầu hết các kết quả phân tích trước đây cho rằng khi ngân hàng đẩy mạnh doanh số cho vay thì sẽ góp phần nâng cao lợi nhuận, do hoạt động cho vay là hoạt động chính của ngân hàng. Theo DeYoung & Rice (2003), tỷ suất lợi nhuận ngân hàng tăng theo tỷ lệ cấp tín dụng dù cho chi phí lãi có gia tăng.

Cấu trúc tài trợ: Nghiên cứu xem xét yếu tố này

qua tỷ lệ tiền gửi khách hàng. Nguồn vốn huy động từ tiền gửi của khách hàng có thể xem là nguồn vốn có chi phí thấp và ít biến động hơn các nguồn khác trong cơ cấu nợ phải trả (Hò & Nguyễn, 2015). Do đó nếu nguồn vốn này tăng sẽ giúp ngân hàng giảm bớt chi phí sử dụng vốn, từ đó làm tăng lợi nhuận. Nghiên cứu của Garcia-Herrero & cs. (2009) cũng cho thấy tỷ lệ tiền gửi khách hàng tác động cùng chiều đến khả năng sinh lời của ngân hàng.

Tỷ lệ VCSH: Những ngân hàng có VCSH cao sẽ giúp ngân hàng có lợi thế trong việc thay đổi lãi suất cho vay, tăng khả năng cạnh tranh. Mặt khác, tỷ lệ VCSH trên tổng tài sản là một tỷ lệ tốt nhất để đánh giá về sức mạnh vốn của ngân hàng. Khách hàng thường tin tưởng nhiều hơn vào các ngân hàng có tỷ lệ vốn tự có cao, bởi điều này giúp ngân hàng đảm bảo khả năng thanh toán, ổn định hoạt động. Ngoài ra, theo xu thế đa dạng hóa thu nhập, ngân hàng có tính tự chủ tài chính tốt sẽ có lợi thế trong việc phát triển các sản phẩm dịch vụ phi tín dụng. Trong kết quả phân tích của Hansen và Sulla (2013), tác giả cũng đã cho rằng khi ngân hàng có nhiều VCSH cho phép ngân hàng tăng cho vay từ đó đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng ngân hàng và khả năng sinh lời.

Chi phí hoạt động: Tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng tài sản đo lường xem khi ngân hàng mở rộng kinh doanh thì có làm tăng chi phí như chi phí tiếp thị, tiền lương,... Ở một mức độ nào đó, sự tăng lên của các chi phí này sẽ tác động đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Cụ thể, khi ngân hàng mở rộng kinh doanh, triển khai thêm các dịch vụ mới thì phải tốn thêm chi phí quản lý, đầu tư, tiền lương cho nhân viên mới, tác động lớn đến mức độ rủi ro khi cấp tín dụng vì thiếu kinh nghiệm về khách hàng cũng như tục

lệ, tập quán tại nơi mới. Theo Hò và Nguyễn (2015), hiệu quả hoạt động của ngân hàng sẽ giảm nếu thu nhập đến từ các hoạt động mới tăng chậm hơn mức tiền lương phải trả cho nhân viên.

Rủi ro tín dụng: nghiên cứu đánh giá rủi ro tín dụng qua tỷ lệ chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của ngân hàng. Không thể chối bỏ một điều là rủi ro tín dụng sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động ngân hàng như gây khó khăn trong việc mở rộng dịch vụ mới, thu hút khách hàng gửi tiền, tìm kiếm và giữ chân khách hàng đến với ngân hàng. Xét về khía cạnh kinh tế, nếu rủi ro tín dụng gia tăng, ngân hàng buộc phải tăng mức trích dự phòng rủi ro, từ đó làm giảm lợi nhuận đạt được. Tuy nhiên, xu hướng tác động của yếu tố này đến lợi nhuận ngân hàng không thống nhất giữa các nghiên cứu trước đây.

Thu nhập phi lãi: Sự tương quan giữa thu nhập phi lãi và khả năng sinh lời ngân hàng được chứng minh bởi Chiarozza & cs. (2008). Tăng nguồn thu nhập phi lãi sẽ làm tăng hiệu quả hoạt động đối với ngân hàng. Khi thực hiện đa dạng hóa thu nhập, các ngân hàng sẽ sử dụng triệt để nguồn lực về cơ sở vật chất, kỹ thuật, đội ngũ nhân sự. Vì vậy, làm giảm một số chi phí như quản lý, hoạt động, và giúp tối đa lợi nhuận. Bên cạnh đó, hướng đến các lĩnh vực ngoài tín dụng còn hỗ trợ ngân hàng phân tán mức độ rủi ro tín dụng.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Dựa vào khung lý thuyết đã đề cập ở trên, tác giả đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của ngân hàng qua mô hình ước lượng sau:

$$Y_{it} = \beta_0 + \beta_1 TA_{it} + \beta_2 TL_{it} + \beta_3 DEP_{it} + \beta_4 TE_{it} + \beta_5 CO_{it} + \beta_6 CR_{it} + \beta_7 NON_{it} + \beta_8 COD_{it} + \epsilon_{it}$$

Bảng 1. Đo lường các yếu tố trong mô hình

Các biến		Cách đo lường	Ký hiệu	Kỳ vọng tác động
Biến phụ thuộc	Khả năng sinh lời của ngân hàng	Lợi nhuận sau thuế kỳ t/tài sản kỳ t Lợi nhuận sau thuế kỳ t/VCSH kỳ t	ROA _{i,t} ROE _{i,t}	
	Quy mô ngân hàng	Ln (tổng tài sản)	TA _{i,t}	+
Biến độc lập	Cấu trúc của tài sản	Dư nợ cho vay kỳ t/tổng tài sản kỳ t	TL _{i,t}	+
	Cấu trúc tài trợ	Tiền gửi KH kỳ t/nợ phải trả kỳ t	DEP _{i,t}	+

Tỷ lệ VCSH	VCSH kỳ t/tài sản kỳ t	$TE_{i,t}$	+
Chi phí hoạt động	Chi phí hoạt động kỳ t/thu nhập kỳ t	$CO_{i,t}$	-
Rủi ro tín dụng	Chi phí DPRRTD kỳ t/dư nợ kỳ t	$CR_{i,t}$	-
Thu nhập phi lãi	Nguồn thu phi lãi kỳ t/tổng thu nhập kỳ t	$NON_{i,t}$	+
Dịch Covid-19	1: bị ảnh hưởng; 0: không bị ảnh hưởng	$COD_{i,t}$	-

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Nhằm mục tiêu đánh giá khả năng sinh lời của các ngân hàng trong bối cảnh dịch Covid-19, nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các Báo cáo tài chính mỗi quý của 25 NHTM Việt Nam trong khoảng thời gian từ quý I/2018 đến quý III/2021 với 375 quan sát. Tính đến quý III/2021, hệ thống NHTM Việt Nam có tổng cộng 47 ngân hàng, bao gồm: 4 NHTM Nhà nước, 9 Ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 2 Ngân hàng Liên doanh, 1 Ngân hàng Chính sách, 1 Ngân hàng phát triển và 30 NHTM cổ phần. Vì vậy, việc lấy mẫu 25 NHTM chiếm 73,53% nếu tính trên các NHTM.

3.3. Phương pháp hồi quy

Do dữ liệu được thu thập kết hợp về mặt không gian và thời gian nên tác giả sử dụng các mô hình ước lượng phù hợp với dữ liệu bảng. Theo Hsiao (2003), phương pháp hồi quy thông dụng với dữ liệu dạng bảng là mô hình FEM - tác động cố định và mô hình REM - tác động ngẫu nhiên. Để cân nhắc lựa

chọn giữa 2 mô hình trên, nghiên cứu sử dụng kiểm định Hausman (1978). Bên cạnh đó, để đánh giá sự phù hợp của mô hình nghiên cứu, chúng tôi kiểm tra một số khuyết tật của mô hình bao gồm hiện tượng phương sai sai số thay đổi và hiện tượng tự tương quan, đa cộng tuyến.

4. Kết quả

4.1. Mô tả dữ liệu

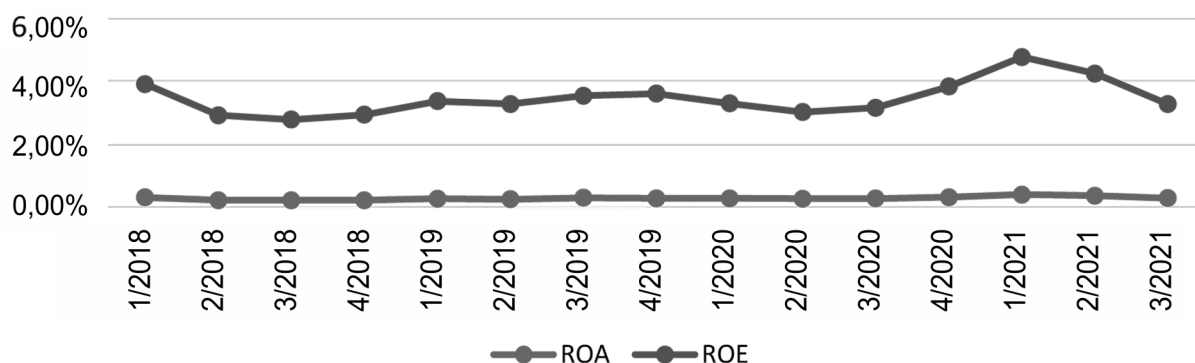
Dữ liệu thể hiện ở Bảng 2 cho thấy các số liệu thống kê về giá trị trung bình, giá trị lớn nhất, nhỏ nhất và độ lệch chuẩn của các yếu tố trong mô hình ước lượng. Các biến thể hiện khả năng sinh lời, quy mô, cấu trúc tài sản, cấu trúc tài trợ, tỷ lệ VCSH, tỷ lệ chi phí hoạt động, mức độ rủi ro tín dụng và tỷ lệ thu nhập phi lãi của 25 NHTM là không đồng nhất và thay đổi qua các kỳ. Tỷ suất lợi nhuận trên VCSH có sự khác biệt khá cao khi giá trị cao nhất đạt 11,8% trong khi cũng có ngân hàng tỷ số này là -3,2%, tương tự thì ROA của 25 ngân hàng cũng không đồng đều khi độ lệch chuẩn đạt 0,2%.

Bảng 2. Mô tả dữ liệu

Các biến	Số quan sát	Giá trị trung bình	Giá trị lớn nhất	Giá trị nhỏ nhất	Độ lệch chuẩn
<i>Biến phụ thuộc</i>					
ROA	375	0,003	0,010	-0,003	0,002
ROE	375	0,035	0,118	-0,032	0,022
<i>Biến độc lập</i>					
TA	375	12,108	14,338	9,919	1,088
TL	375	0,644	0,788	0,445	0,068
DEP	375	0,768	0,971	0,551	0,101
TE	375	0,084	0,178	0,041	0,031
CO	375	0,490	1,678	0,158	0,183
CR	375	0,003	0,016	-0,002	0,003
NON	375	0,214	0,759	-0,361	0,119

Ở nước ta, ca bệnh Covid-19 đầu tiên được phát hiện vào ngày 23/01/2020, từ đó đến nay chúng ta trải qua 4 đợt bùng phát dịch với tổng số ca nhiễm tính đến ngày 19/12/2021 là 1,51 triệu ca. Năm 2020, dịch Covid-19 đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến tình hình kinh tế trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, xét trong giai đoạn từ năm 2011-2020, thì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở năm 2020 là nhỏ nhất, đạt 2,91%. Tuy nhiên, mức tăng này cũng là một thành tựu của nước ta vì năm 2020 là thời gian dịch xảy ra, lan rộng đến các nước và ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiều lĩnh

vực đời sống xã hội. Năm 2021, đợt bùng dịch thứ 4 với biến chủng Delta cực kỳ nguy hiểm và khốc liệt, tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế Việt Nam. GDP quý III/2021 giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngoại trừ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt tăng trưởng dương 1,04% nhưng vẫn rất thấp trong 10 năm qua, khu vực công nghiệp và xây dựng, khu vực dịch vụ đều giảm lần lượt là 5,02% và 9,28% (Tổng cục Thống kê, 2021). Riêng ngành ngân hàng, lợi nhuận được đánh giá vẫn tăng trưởng bất chấp tình hình dịch bệnh, minh chứng thể hiện qua Hình 1.



Hình 1. Khả năng sinh lời của các NHTM Việt Nam

Giai đoạn quý I/2020-III/2021 được xem là giai đoạn ngân hàng hoạt động trong bối cảnh dịch Covid-19. Mặc dù ROA và ROE dao động qua các quý, nhưng nhìn chung ngân hàng không những duy trì mà còn gia tăng được khả năng tạo lợi nhuận ở giai đoạn dịch Covid-19 khi hai chỉ tiêu này có xu hướng tăng lên. Năm 2020, các ngân hàng lớn như Vietcombank, Vietinbank vẫn công bố mức lợi nhuận trước thuế khổng lồ lần lượt là 23.045 tỷ đồng và 17.070 tỷ đồng, ngân hàng Techcombank, BIDV, MB, ACB lợi nhuận đều tăng trưởng so với năm 2019. Năm 2021, ngành ngân hàng vẫn là điểm sáng của nền kinh tế khi lợi nhuận tiếp tục gia tăng, mặc dù quý III/2021 có sự sụt giảm so với 6 tháng đầu năm do cầu tín dụng suy giảm vì đây cũng là thời điểm bùng phát đợt dịch mạnh nhất ở nước ta nhưng lợi nhuận ngành ngân hàng vẫn khả quan hơn so với các lĩnh vực khác của nền kinh tế. Theo sự lý giải của các chuyên gia, một trong những nguyên nhân giúp ngành ngân hàng gia tăng được lợi nhuận trong bối cảnh dịch

bệnh là sự phát triển của ngân hàng điện tử và ngân hàng số. Điều này đã giúp các ngân hàng ứng phó linh hoạt trước tình hình giãn cách xã hội, khi khách hàng không thể đến ngân hàng nhưng vẫn thực hiện được các giao dịch cần thiết, giúp ngân hàng gia tăng nguồn tiền gửi không kỳ hạn với lãi suất thấp, giảm chi phí vốn huy động. Bên cạnh đó, những năm gần đây, tỷ lệ thu từ dịch vụ tại các ngân hàng đều có khởi sắc tích cực, mở rộng hoạt động ngoài tín dụng như trung gian bảo hiểm, ngân hàng đại lý đã giúp ngân hàng kiếm thêm lợi nhuận đáng kể.

Tiếp theo, nghiên cứu sử dụng T-test để kiểm định sự khác biệt về khả năng sinh lời của các ngân hàng giai đoạn trước và trong bối cảnh dịch Covid-19. Kết quả ở Bảng 3 cho thấy, khả năng sinh lời trên VCSH của các ngân hàng không có sự khác biệt giữa hai giai đoạn trước và trong bối cảnh dịch Covid-19, nhưng dịch bệnh lại có ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời trên tài sản.

Bảng 3. Kết quả kiểm định T-test

	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Sai số chuẩn	Số quan sát
Khả năng sinh lời trên tài sản - ROA				
Q1/2018-Q4/2019	0,0026	0,0022	0,0002	200
Q1/2020-Q3/2021	0,0032	0,0023	0,0002	175
Pr(T > t)	0,018 → Bác bỏ giả thuyết H ₀ với mức ý nghĩa 5%			
Khả năng sinh lời trên VCSH - ROE				
Q1/2018-Q4/2019	0,0330	0,0226	0,0016	200
Q1/2020-Q3/2021	0,0366	0,0218	0,0016	175
Pr(T > t)	0,1150 → Chấp nhận giả thuyết H ₀ với mức ý nghĩa 5%			

4.2. Ma trận hệ số tương quan

Thông qua việc sử dụng ma trận hệ số tương quan giữa các cặp biến sẽ tạo cơ sở cho việc nhận xét các mối quan hệ tương quan. Gujarati (2004) cho rằng hệ số tương quan giữa các biến vượt quá 0,8 thì sẽ là dấu hiệu cho biết mô hình có khả năng gặp vấn đề đa cộng tuyến nghiêm trọng. Kết quả cho thấy mô hình ước lượng không phạm phải vấn đề đa cộng tuyến giữa các

biến. Tuy nhiên, các hệ số tương quan cũng không đủ cơ sở để kết luận mô hình có đa cộng tuyến hay không, nên nghiên cứu tiếp tục kiểm tra qua giá trị hệ số nhân tử phóng đại phương sai - VIF và kết quả cho thấy hệ số VIF của các biến đều nhỏ hơn 5. Theo Gujarati (2004), nếu VIF nhỏ hơn 5 thì không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra. Như vậy, vấn đề đa cộng tuyến không ảnh hưởng nghiêm trọng đến ước lượng này.

Bảng 4. Ma trận hệ số tương quan

	TA	TL	DEP	TE	CO	CR	NON
TA	1,000						
TL	0,235	1,000					
DEP	-0,064	0,343	1,000				
TE	-0,296	-0,086	0,029	1,000			
CO	-0,447	-0,060	0,233	-0,160	1,000		
CR	0,217	0,052	-0,270	0,222	-0,479	1,000	
NON	0,193	-0,132	-0,039	0,182	-0,197	0,171	1,000

4.3. Kết quả hồi quy

Bảng 5. Kết quả các kiểm định

Kiểm định Hausman	Chi2	Prob>chi2	Lựa chọn
ROA	15,15	0,056	REM
ROE	37,36	0,065	REM
Kiểm định Wald	Chi2	Prob>chi2	Kết quả
ROA	687,8	0,000	Phương sai sai số thay đổi
ROE	750,74	0,000	Phương sai sai số thay đổi

Theo kết quả kiểm định Hausman như Bảng 5, mô hình tác động ngẫu nhiên hiệu quả hơn và giải thích kết quả hồi quy tốt hơn mô hình tác động cố định trong nghiên cứu này do giá trị thống kê P-value lớn hơn 0,05 (mức ý nghĩa 5%). Bên cạnh đó, kiểm định Wald cho thấy mô hình bị phương sai sai số thay đổi và hiện tượng tự tương quan nên tác giả dùng sai số chuẩn điều chỉnh Robust để khắc phục. Kết quả cuối cùng được trình bày trong Bảng 6.

Bảng 6. Kết quả mô hình ước lượng

Biến	Q1/2018-Q3/2021	
	ROA	ROE
TA	0,0007*** (0,0002)	0,0057** (0,0022)
TL	0,0019 (0,0023)	0,0256 (0,0161)
DEP	-0,0027** (0,0011)	-0,0205* (0,0107)
TE	0,0261*** (0,0068)	-0,1228** (0,0573)
CO	-0,0059*** (0,0008)	-0,0759*** (0,0041)
CR	-0,3442*** (0,0628)	-3,5784*** (0,2666)
NON	0,0026** (0,0010)	0,0308*** (0,0051)
COD	-0,0001 (0,0000)	-0,0018 (0,0011)
Số quan sát	375	375
R ₂	57,13%	54,99%
Wald	174,56***	427,05***

Quy ước: *, **, *** ý nghĩa thống kê của các hệ số tại mức 10%, 5%, 1%, %. Trong ngoặc đơn là giá trị sai số Robust.

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 6 cho thấy các yếu tố có ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của các NHTM Việt Nam. Xét trong giai đoạn quý I/2018 đến Quý III/2021, khả năng sinh lời trên tài sản và VCSH của ngân hàng đều lần lượt bị ảnh hưởng bởi các yếu tố quy mô hoạt động, cấu trúc tài trợ, tỷ lệ VCSH, chi phí hoạt động, rủi ro tín dụng và thu nhập phi lãi. Riêng ảnh hưởng của yếu tố dịch Covid-19 thông qua biến giả COD (=0 giai đoạn trước dịch và =1 giai đoạn

trong bối cảnh dịch) mặc dù có tác động ngược chiều đến khả năng sinh lời của ngân hàng nhưng lại không có ý nghĩa thống kê. Điều này cũng lý giải vì sao các ngân hàng vẫn giữ được mức sinh lời nhất định, thậm chí nhiều ngân hàng vẫn tăng trưởng lợi nhuận trong tình hình dịch bệnh. Mặc dù hoạt động tín dụng bị giảm sút do sự suy giảm của cầu tín dụng, mặt bằng lãi suất điều chỉnh giảm để hỗ trợ khách hàng nhưng nhờ vào sự phát triển của ngân hàng điện tử và ngân hàng số đã giúp các ngân hàng ứng phó kịp thời khi xã hội rơi vào giãn cách, đảm bảo các dịch vụ vẫn luôn cung ứng đến khách hàng. Tiếp theo, nghiên cứu thảo luận ảnh hưởng của các biến còn lại đến khả năng sinh lời của ngân hàng.

Quy mô hoạt động có ảnh hưởng cùng chiều đến cả tỷ suất lợi nhuận ROA và ROE, cho thấy tăng tổng tài sản làm tăng tỷ suất sinh lời, và khi xem xét trong bối cảnh dịch bệnh, thì ngân hàng có quy mô lớn vẫn tạo khả năng sinh lời trên tài sản cao hơn ngân hàng quy mô nhỏ. Thực tế cho thấy, với giá trị tổng tài sản và nguồn vốn lớn, ngân hàng sẽ tạo được niềm tin cho khách hàng. Đồng thời, các ngân hàng này cũng có lợi thế hơn trong việc mở rộng mạng lưới giao dịch, các chi nhánh, phòng giao dịch lan rộng khắp các tỉnh thành cả nước, hình ảnh ngân hàng được nhiều khách hàng biết đến, từ đó ngân hàng dễ dàng trong việc thu hút khách hàng gửi tiền, cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ thanh toán. Kết quả càng rõ ràng khi top những ngân hàng có lợi nhuận đứng đầu qua các năm là các ngân hàng lớn trong hệ thống như VCB, CTG, BIDV, ACB, TCB, STB.

Cấu trúc tài trợ là yếu tố có mối tương quan nghịch đến ROA và ROE, đồng nghĩa việc tăng tỷ lệ tiền gửi khách hàng trên tổng nợ sẽ làm giảm khả năng sinh lời của các ngân hàng. Mặc dù tiền gửi khách hàng được xem là nguồn vốn ổn định và có chi phí thấp, nhưng trong cơ cấu khoản tiền gửi khách hàng của các NHTM Việt Nam, tiền gửi có kỳ hạn bằng Việt Nam đồng luôn chiếm tỷ trọng khá cao, đối với khách hàng, họ gửi tiền vào ngân hàng vì mục tiêu lợi nhuận, an toàn là chính và đây là nguồn vốn chủ yếu để ngân hàng cho vay. Hơn nữa, tính cạnh tranh trong hệ thống ngày càng tăng nên nhiều ngân hàng rơi vào tình trạng chạy đua lãi suất huy động để thu hút khách hàng. Do đó, chi phí lãi của nguồn vốn này không hề nhỏ. Đối với khoản tiền gửi không kỳ hạn,

các chi phí phát sinh ngoài lãi như chi phí phục vụ khách hàng, lắp đặt, sử dụng và bảo trì hệ thống rút tiền tự động,... là đáng kể nên sự gia tăng nguồn vốn này cũng ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận ngân hàng.

Phần trăm VCSH thể hiện khả năng tự chủ tài chính của ngân hàng và theo lý thuyết phát tín hiệu (signaling theory), thì đây cũng là yếu tố có tác động đến lợi nhuận ngân hàng. Tăng tỷ lệ VCSH làm tăng ROA nhưng lại giảm ROE. Điều này cũng dễ hiểu, bởi VCSH tương quan nghịch với ROE. Kết quả này cho thấy ngân hàng có VCSH cao sẽ giúp ngân hàng có lợi thế cạnh tranh trong hoạt động tín dụng và kể cả cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngoài tín dụng. Hơn nữa, để gia tăng được nguồn VCSH, bản thân ngân hàng cần đảm bảo khả năng tạo lợi nhuận nhất định để có nguồn lợi nhuận giữ lại, từ đó cũng thu hút được các nhà đầu tư, tạo nền tảng để ngân hàng tăng trưởng tín dụng và có khả năng tài chính để mở rộng các hoạt động tạo thu nhập, từ đó làm tăng lợi nhuận.

Chi phí hoạt động luôn là yếu tố có ảnh hưởng ngược chiều đến lợi nhuận ngân hàng dù trong hoàn cảnh có dịch bệnh hay không, tăng chi phí làm giảm tỷ suất lợi nhuận ROA và ROE. Trong cơ cấu chi phí hoạt động của ngân hàng, lương và các khoản chi phí liên quan đến nhân viên chiếm tỷ trọng lớn nhất do việc mở rộng mạng lưới giao dịch cần phải bổ sung nhân sự nên khoản chi phí này luôn là gánh nặng cho các ngân hàng. Ngoài ra, các khoản chi phí hoạt động khác như chi về tài sản, chi cho hoạt động quản lý công cụ gia tăng cũng dẫn đến kết quả là hiệu quả kinh doanh ngân hàng giảm.

Tương tự như chi phí hoạt động, thì mức độ rủi ro tín dụng thể hiện qua tỷ lệ chi phí dự phòng rủi ro tín dụng cũng là yếu tố ảnh hưởng ngược chiều đến lợi nhuận ngân hàng. Trong tình hình dịch Covid-19, song song với việc lợi nhuận gia tăng thì nợ xấu của ngân hàng cũng tăng, bởi dịch bệnh ảnh hưởng đến hoạt động của các công ty, xí nghiệp, hộ kinh doanh,... tác động tiêu cực đến khả năng thanh toán lãi vay và nợ của họ, từ đó làm tăng nợ xấu cho ngân hàng. Nợ xấu tăng kéo theo đó là ngân hàng phải gia tăng mức trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, làm giảm lợi nhuận. Vì vậy, hệ số tác động của yếu tố rủi ro tín dụng đến khả năng sinh lời ngân hàng trong giai đoạn này khá cao.

Cuối cùng là tỷ lệ thu nhập phi lãi, đây là yếu tố có ảnh hưởng cùng chiều đến tỷ suất lợi nhuận ROA

và ROE trong suốt giai đoạn nghiên cứu. Bên cạnh mảng hoạt động chính đem lại nguồn thu là cấp tín dụng, cho vay thì những năm gần đây các ngân hàng ngày càng mở rộng và đa dạng hóa hoạt động sang các lĩnh vực phi tín dụng để nâng cao lợi nhuận. Đặc biệt, trong bối cảnh dịch Covid-19, và từ khi có Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ về việc giãn cách xã hội, tạm ngưng các hoạt động không cần thiết, người dân không thể cũng như khó khăn trong việc đến ngân hàng thực hiện giao dịch thì các dịch vụ ngân hàng điện tử và ngân hàng số đã đem lại nhiều điểm sáng cho hoạt động ngân hàng. Các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, chuyển khoản,... đã đem lại khoản thu phi đáng kể cho ngân hàng. Vì vậy, mở rộng hoạt động ngoài tín dụng góp phần cải thiện lợi nhuận ngân hàng.

5. Kết luận

Dựa trên thông tin và số liệu của 25 NHTM Việt Nam trong khoảng thời gian từ quý I/2018 đến quý III/2021, bằng ước lượng REM, kiểm định T-test và phân tích thống kê mô tả, nghiên cứu đánh giá khả năng sinh lời và các yếu tố có ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của các NHTM Việt Nam trong bối cảnh dịch Covid-19. Kết quả nghiên cứu cho thấy khả năng tạo lợi nhuận của ngân hàng bị tác động bởi các yếu tố quy mô hoạt động, cấu trúc tài trợ, tỷ lệ VCSH, chi phí hoạt động, rủi ro tín dụng và thu nhập phi tín dụng. Dịch Covid-19 bùng phát có ảnh hưởng đến sự khác biệt của khả năng sinh lời trên tài sản ở giai đoạn trước và trong bối cảnh dịch nhưng nhìn chung yếu tố này lại không cản trở khả năng tìm kiếm lợi nhuận của các ngân hàng. Từ tháng 3/2020 đến nay, sự bùng phát của dịch Covid-19 đã tác động mạnh mẽ đến kinh tế cũng như đời sống xã hội của người dân Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng GDP ở năm 2020 và 9 tháng trong đầu năm 2021 đều sụt giảm so với cùng kỳ trước đó, nhiều lĩnh vực ngành nghề kinh doanh đều không tránh khỏi dịch Covid-19 tác động, bao gồm có các NHTM. Cầu tín dụng suy giảm, các ngân hàng hạ lãi suất cho vay theo chỉ đạo của NHNN, tái cơ cấu nợ để hỗ trợ khách hàng, doanh nghiệp tồn tại và phục hồi; nợ xấu gia tăng do nhiều doanh nghiệp lâm vào cảnh phá sản vì dịch bệnh, không có khả năng trả nợ ngân hàng. Song điểm sáng về lợi nhuận đã cho thấy sự nỗ lực của các NHTM trong bối cảnh dịch bệnh và các giải pháp kịp thời, đồng bộ của NHNN. Theo Minh (2021), tính đến ngày 7/10/2021, so với cuối

năm 2020 thì tín dụng đã tăng thêm 7,42%; trong khi đó cùng kỳ ở năm 2020 là 5,48%. Như vậy, kết quả hoạt động tín dụng của các ngân hàng vẫn tăng trưởng dù trong điều kiện dịch bệnh ảnh hưởng nghiêm trọng, góp phần giúp ngân hàng hoạt động ổn định trong bối cảnh dịch Covid-19./.

Tài liệu tham khảo

- Al-Jafari, M. K., & Alchami, M. (2014). Determinants of bank profitability: Evidence from Syria. *Journal of Applied Finance and Banking*, 4(1), 17.
- Athanasoglou, P. P., Brissimis, S. N., & Delis, M. D. (2008). Bank-specific, industry-specific and macroeconomic determinants of bank profitability. *Journal of International Financial Markets, Institutions and Money*, 18(2), 121-136.
- Bourke, P. (1989). Concentration and other determinants of bank profitability in Europe, North America and Australia. *Journal of Banking & Finance*, 13(1), 65-79.
- Béjaoui, R., & Bouzgarrou, H. (2014). Determinants of Tunisian bank profitability. *The International Journal of Business and Finance Research*, 8(4), 121-131.
- Chiorazzo, V., Milani, C., & Salvini, F. (2008). Income diversification and bank performance: Evidence from Italian banks. *Journal of Financial Services Research*, 33(3), 181-203.
- DeYoung, R., & Rice, T. (2004). Noninterest income and financial performance at US commercial banks. *Financial Review*, 39(1), 101-127.
- Đỗ, V. H. (28/9/2021). Giải pháp ổn định thị trường tài chính, ngân hàng Việt Nam dưới tác động tiêu cực do đại dịch Covid-19 gây ra. *Tạp chí Ngân hàng*. Truy cập từ <https://tapchinganhang.gov.vn/giai-phap-on-dinh-thi-truong-tai-chinh-ngan-hang-viet-nam-duoi-tac-dong-tieu-cuc-do-dai-dich-covid-1.htm>.
- García-Herrero, A., Gavilá, S., & Santabàrbara, D. (2009). What explains the low profitability of Chinese banks?. *Journal of Banking & Finance*, 33(11), 2080-2092.
- Gujarati, D. N. (2004). *Basic Econometrics*. 4th edition, McGraw - Hill Irwin.
- Hansen, N. J. H., & Sulla, M. O. (2013). *Credit growth in Latin America: financial development or credit boom?*. International Monetary Fund.
- Hausman, J. A. (1978). Specification tests in econometrics. *Econometrica: Journal of The Econometric Society*, 46(6), 1251-1271.
- Hoàng, N. T., & Võ, T. H. (2010). Trao đổi về phương pháp tính tỷ lệ thu nhập ngoài tín dụng của ngân hàng thương mại. *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, 48, 36-39.
- Hồ, T. H. M., & Nguyễn, T. C. (2015). Đa dạng hóa thu nhập và các yếu tố tác động đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam. *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, 106+107, 13-23.
- Minh, P. (2021). Dự nợ tín dụng tăng mạnh, ngân hàng kích cầu cuối năm. Truy cập từ <https://baotintuc.vn/tai-chinh-ngan-hang/du-no-tin-dung-tang-manh-ngan-hang-kich-cau-cuoi-nam-20211130191301162.htm>.
- Minh, T. (2021). Nhiều triển vọng trong hoạt động ngân hàng quý 4/2021. *Tuổi trẻ Online*. Truy cập từ <https://tuoitre.vn/nhieu-trien-vong-trong-hoat-dong-ngan-hang-quy-4-20211109152756581.htm>.
- Nguyễn, P. N. T., & Nguyễn, P. T. T. (2016). Các nhân tố tác động đến khả năng sinh lời hệ thống ngân hàng thương mại tại Việt Nam. *Kinh tế Phát triển*, Số 228 tháng 6/2016, 52-60.
- Quốc hội. (2010). Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 Luật các tổ chức tín dụng. Truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx>.
- Short, B. K. (1979). The relation between commercial bank profit rates and banking concentration in Canada, Western Europe, and Japan. *Journal of Banking & Finance*, 3(3), 209-219.
- Tổng cục Thống kê. (2021). Tác động dịch Covid-19 đến tăng trưởng các khu vực kinh tế Quý 3/2021. Truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/10/tac-dong-cua-dich-covid-19-den-tang-truong-cac-khu-vuc-kinh-te-quy-iii-nam-2021/>.